

AV4V-292-GG & AV4V-420-GG



Model: AV4V-F9-592x592x292-GG-18

AV4V: AirFil-V, Lọc khối cứng 4V Rigid Bank

F9: Cấp lọc theo EN 779:2012

592x592x292: Kích thước WxLxD mm

GG: Khung thép mạ kẽm - vật liệu lọc sợi thủy tinh

18: Diện tích vật liệu lọc m²

ỨNG DỤNG

- Dùng cho hệ thống lọc khí hiệu suất cao.
- Các lọc có kích thước nhỏ gọn, lưu lượng cao.
- Cấu trúc cứng cáp mang lại khả năng lọc tuyệt vời.
- Thiết kế dạng V giúp tăng diện tích bề mặt, lưu lượng gió cao và chênh áp ban đầu thấp. Tuổi thọ sử dụng dài.

Bộ lọc khối V cứng

Khung: Thép mạ kẽm

Vật liệu lọc: Sợi thủy tinh

Kiểu khối: 4V Rigid Bank

Bề dày khung: 25mm

Nhiệt độ tối đa: 80°C

Độ ẩm tương đối: 100%

Giai đoạn lọc: II-III

Chênh áp cuối:

- EN 779:2012: 450 Pa.
- ISO 16890: 300 Pa.

Cấp độ chống cháy: K1/F1 theo tiêu chuẩn DIN53438

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc ISO 16890	Cấp lọc EN 779:2012	Diện tích vật liệu lọc m²	Lưu lượng m³/h	Chênh áp ban đầu Pa.	Trọng lượng kg
AV4V-M6-287x592x292-GG-9	270001M	MV6G4R09T0XX	287x592x292	ePM10>60%	M6	9	1650	70	6
AV4V-M6-490x592x292-GG-15	270002M	MV6G4R15T0XX	490x592x292	ePM10>60%	M6	15	2700	70	10
AV4V-M6-592x592x292-GG-18	270003M	MV6G4R18T0XX	592x592x292	ePM10>60%	M6	18	3400	70	12
AV4V-F7-287x592x292-GG-9	270004M	MV7G4R09T0XX	287x592x292	ePM1>50%	F7	9	1650	80	6
AV4V-F7-490x592x292-GG-15	270005M	MV7G4R15T0XX	490x592x292	ePM1>50%	F7	15	2700	80	10
AV4V-F7-592x592x292-GG-18	270006M	MV7G4R18T0XX	592x592x292	ePM1>50%	F7	18	3400	80	12
AV4V-F8-287x592x292-GG-9	270007M	MV8G4R09T0XX	287x592x292	ePM1>65%	F8	9	1650	90	6
AV4V-F8-490x592x292-GG-15	270008M	MV8G4R15T0XX	490x592x292	ePM1>65%	F8	15	2700	90	10
AV4V-F8-592x592x292-GG-18	270009M	MV8G4R18T0XX	592x592x292	ePM1>65%	F8	18	3400	90	12
AV4V-F9-287x592x292-GG-9	270010M	MV9G4R09T0XX	287x592x292	ePM1>80%	F9	9	1650	110	6
AV4V-F9-490x592x292-GG-15	270011M	MV9G4R15T0XX	490x592x292	ePM1>80%	F9	15	2700	110	10
AV4V-F9-592x592x292-GG-18	270012M	MV9G4R18T0XX	592x592x292	ePM1>80%	F9	18	3400	110	12
AV4V-M6-287x592x420-GG-15	270013M	MV6G4R15T0XX	287x592x420	ePM10>60%	M6	15	1650	60	5
AV4V-M6-490x592x420-GG-24	270014M	MV6G4R24T0XX	490x592x420	ePM10>60%	M6	24	2700	60	8.5
AV4V-M6-592x592x420-GG-32	270015M	MV6G4R32T0XX	592x592x420	ePM10>60%	M6	32	3400	60	9
AV4V-F7-287x592x420-GG-15	270016M	MV7G4R15T0XX	287x592x420	ePM1>50%	F7	15	1650	70	5
AV4V-F7-490x592x420-GG-24	270017M	MV7G4R24T0XX	490x592x420	ePM1>50%	F7	24	2700	70	8.5
AV4V-F7-592x592x420-GG-32	270018M	MV7G4R32T0XX	592x592x420	ePM1>50%	F7	32	3400	70	9
AV4V-F8-287x592x420-GG-15	270019M	MV8G4R15T0XX	287x592x420	ePM1>65%	F8	15	1650	80	5
AV4V-F8-490x592x420-GG-24	270020M	MV8G4R24T0XX	490x592x420	ePM1>65%	F8	24	2700	80	8.5
AV4V-F8-592x592x420-GG-32	270021M	MV8G4R32T0XX	592x592x420	ePM1>65%	F8	32	3400	80	9
AV4V-F9-287x592x420-GG-15	270022M	MV9G4R15T0XX	287x592x420	ePM1>80%	F9	15	1650	90	5
AV4V-F9-490x592x420-GG-24	270023M	MV9G4R24T0XX	490x592x420	ePM1>80%	F9	24	2700	90	8.5
AV4V-F9-592x592x420-GG-32	270024M	MV9G4R32T0XX	592x592x420	ePM1>80%	F9	32	3400	90	9

Tùy chọn khác theo yêu cầu:

Khung: Nhôm, Inox 304, Inox 316. **Vật liệu lọc:** Loại chịu nhiệt cao 120°C.

Loại khung HF: Không, đơn 20/25 mm, đôi 20/25 mm, Kích thước theo yêu cầu.

Lưới bảo vệ: Không lưới, Mặt gió ra, Cả hai mặt. **Vị trí gioăng:** Không có, Mặt gió ra, Mặt gió vào.

Loại gioăng: Không gioăng, Polyurethane, Cao su, EPDM, Gioăng chịu nhiệt cao

Chứng nhận ATEX: cho bộ lọc không khí phù hợp cho khu vực có nguy cơ cháy nổ vùng 1, 2, 21 và 22.

Chứng nhận vệ sinh: Lọc Rigid V Bank | VDI 6022 Blatt 1:2018, VDI 3803 Blatt 1:2020, DIN 1946-4:2018, ISO 846:2019 Plastics, BS EN 17141:2020.

Vật liệu tuân thủ tiếp xúc thực phẩm: Lọc Rigid V Bank | (EC) No 1935/2004, (EC) No 2002/72, (EU) No 10/2011, (EU) No 2020/1245, U.S. FDA-Determining the Regulatory Status of Components of a Food Contact Material.

MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT